

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Phúc.
- Bà Đỗ Thị Kim Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 107/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2025/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2025, Thông báo về việc thay đổi ngày giờ xét xử vụ án hình sự số 19/2025/TB-TA ngày 12 tháng 6 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi ngày giờ xét xử vụ án hình sự số 19/2025/TB-TA ngày 20 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Đinh Thanh D, sinh ngày 03/6/1982 tại Thành phố Hà Nội; nơi thường trú: A Y, phường Y, quận T, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: Số H, Đường số H, Khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T, sinh năm 1948 và bà Trần Thị H, sinh năm 1952; chưa có vợ, con; tiền sự: không;

Tiền án: Tại bản án số 1127/PTHS ngày 30, 31/7/2003, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong hình phạt ngày 31/05/2006, chưa xóa án tích do chưa đóng án phí.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thạch Thị N sinh năm 1969; địa chỉ: 7 Hồ H, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bà Nguyễn Thị Thu T3 sinh năm 1983; địa chỉ: B C, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh chỉ liên lạc: 201 Chung cư B N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

3. Ông Đỗ Quốc V sinh năm 1960; địa chỉ: 25/51 N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

4. Bà Lê Thị Ngọc C sinh năm 1978; địa chỉ: 815 W Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

5. Bà Nguyễn Thị Thu T4 sinh năm 1972; địa chỉ: 282/5 C, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh chỉ liên lạc: B D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

6. Ông Trang Dịu M, sinh năm: 1967; nơi thường trú: G D, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: A T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (đã chết ngày 17/12/2024, chưa xác định được người đại diện hợp pháp hoặc người kế thừa quyền và nghĩa vụ).

7. Ông Cao Lê H2 năm 1978; địa chỉ: 9 T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

8. Ông Lê Quang T5 sinh năm 1963; địa chỉ: 151/6 Đ, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

9. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt tại phiên tòa).

10. Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1994; địa chỉ: B ấp H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8/2023, Đinh Thanh D bắt đầu hoạt động cho vay tiền để lấy tiền lãi tiêu xài. Từ tháng 08/2023 đến khi bị phát hiện, D đã cho 08 người

vay tiền trên địa bàn phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất từ 20% đến 30%/tháng, tương đương với 240% đến 360%/năm để thu lợi bất chính. D cho vay với 02 hình thức gồm vay tiền góp (tiền góp là tiền gốc và tiền lãi, góp đến khi hết kỳ hạn thỏa thuận sẽ kết thúc khoản vay), vay tiền đứng (tiền lãi không trừ vào tiền gốc, khi trả hết tiền gốc sẽ kết thúc khoản vay). Người vay sẽ trực tiếp liên lạc với D (qua số điện thoại 0898796685 hoặc tài khoản zalo tên "Trương Thuận") trao đổi thống nhất khoản vay, khi đồng ý vay tiền, D đưa tiền vay cho người vay và nhận tiền lãi trực tiếp hoặc nhận chuyển khoản đến tài khoản của T2 số0011004000551, mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2. Nếu người vay chậm thanh toán hoặc chưa đủ tiền thanh toán sẽ chủ động liên lạc thỏa thuận thanh toán "dồn tiền trả góp" (còn gọi là đáo hạn khoản vay). D dùng điện thoại di động để ghi nhớ các khoản vay, không ghi sổ sách, không cầm cố tài sản của người vay.

Quá trình điều tra đã xác định được D đã cho những người vay để hưởng lợi bất chính, cụ thể như sau:

1. Tháng 08/2023, D cho bà Thạch Thị N vay 7.500.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, lãi suất 20% tháng, tương đương 0.67%/ngày. D giao tiền mặt cho bà N 7.500.000 đồng, bà N trả gốc, lãi cho D mỗi ngày 300.000 đồng, tổng cộng là 9.000.000 đồng. Sau khi trả xong đợt tiền cũ, bà N tiếp tục vay tiền đợt mới, cùng với cách thức như trên. Từ tháng 8/2023 đến tháng 7/2024, bà N đã vay của D tổng cộng 10 lần cùng với số tiền vay là 7.500.000 đồng tiền mặt, trong thời hạn 30 ngày một lần, lãi suất 20% tháng, tương đương 0.67%/ngày. Bà N trả tiền gốc, lãi cho D mỗi ngày 300.000 đồng, tổng cộng là 90.000.000 đồng. D đã thu lợi tổng số tiền 15.000.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 10 lần cho vay này là 13.750.000 đồng.

Ngày 19/8/2024, bà N vay tiếp đợt thứ 11 số tiền mặt là 7.500.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày, lãi suất 20% tháng, tương đương 0.67%/ngày. D giao tiền mặt cho bà N 7.500.000 đồng, bà N trả gốc, lãi cho D mỗi ngày 300.000 đồng. Từ ngày 19/8/2024 đến ngày 30/8/2024, bà N đã trả được 12 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng (bao gồm 600.000 đồng tiền lãi và 3.000.000 đồng tiền gốc), còn nợ 3.500.000 đồng tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản vay này là 550.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các khoản cho bà N vay là 14.300.000 đồng, bà N chưa trả cho D 3.500.000 đồng tiền gốc.

2. Ngày 15/5/2024, D cho bà Nguyễn Thị Thu T3 vay số tiền 10.000.000 đồng, hình thức vay đứng, đóng lãi 100.000 đồng/ngày (chưa tính gốc), lãi suất 30% tháng, tương đương 1%/ngày. D đưa 9.400.000 đồng tiền mặt cho bà T3 (thu trước 500.000 đồng lệ phí khoản vay và 100.000 đồng tiền lãi ngày đầu tiên vay). Tính đến ngày 03/7/2024, bà T3 đã trả được 49 ngày với tổng số tiền gồm: 4.900.000 đồng lãi, 500.000 đồng lệ phí vay và 10.000.000 đồng tiền gốc và tất toán khoản vay. Số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản cho vay này là 5.127.778 đồng.

Ngày 29/7/2024, bà T3 tiếp tục vay đứng số tiền 10.000.000 đồng (do vay lần sau nên D không tính phí) trả lãi 100.000 đồng/ngày, lãi suất 30% tháng, tương đương 1%/ngày. Từ ngày 29/7/2024 đến ngày 15/8/2024 bà T3 đã trả cho D 18 ngày với tổng số tiền lãi là 1.800.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản cho vay này là 1.700.000 đồng, bà T3 chưa trả 10.000.000 đồng tiền gốc.

Ngày 16/8/2024, bà T3 tiếp tục vay đứng thêm 7.000.000 đồng, cộng dồn tiền gốc khoản vay trước thành 17.000.000 đồng, trả lãi 170.000 đồng/ngày, lãi suất 30% tháng, tương đương 1%/ngày. Từ ngày 16/8/2024 đến ngày 29/8/2024 bà T3 đã trả cho D 14 ngày với tổng số tiền lãi là 2.380.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản cho vay này là 2.247.778 đồng, bà T3 chưa trả tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các khoản cho bà T3 vay là 9.075.556 đồng, bà T3 chưa trả cho D 17.000.000 đồng tiền gốc.

3. Ngày 09/7/2024, D cho ông Đỗ Quốc V vay số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay góp, mỗi ngày phải đóng tiền gốc + lãi cho D số tiền 200.000 đồng trong thời gian 30 ngày, lãi suất 20% tháng, tương đương 0.67%/ngày. D chuyển khoản số tiền 4.300.000 đồng cho ông V vào số tài khoản 060144136376 mở tại ngân hàng S (thu trước 500.000 đồng lệ phí khoản vay và 200.000 đồng tiền lãi ngày đầu tiên vay). Ông V đã trả cho D tổng số tiền 6.000.000 đồng và tất toán khoản vay, D đã thu lợi số tiền 1.000.000 đồng và 500.000 đồng (phí) cho lần vay trên. Cùng với hình thức vay như trên, ông V tiếp tục 02 lần vay của D 5.000.000 đồng với hình thức vay góp, lãi suất 20% tháng, tương đương 0.67%/ngày (do vay lần sau nên D không tính phí). Ông V đã trả đủ gốc, lãi, tất toán khoản vay, D đã thu lợi 2.000.000 đồng cho 02 khoản

vay này. Số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 03 lần cho ông V vay là 3.249.800 đồng.

Ngày 29/8/2024, ông V tiếp tục vay của D 5.000.000 đồng với hình thức vay góp, lãi suất 20% tháng, tương đương 0.67%/ngày. Ông V đã đóng được thêm 02 ngày số tiền 400.000 đồng (gồm 66.667 đồng tiền lãi và 333.333 đồng tiền gốc), còn nợ 4.666.667 đồng. Số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản cho vay này là 61.111 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các khoản cho ông V vay là 3.310.911 đồng, ông V chưa trả cho D 4.666.667 đồng tiền gốc.

4. Ngày 12/4/2024, D cho bà Lê Thị Ngọc C vay số tiền 10.000.000 đồng, với hình thức vay góp, mỗi ngày phải đóng tiền gốc + lãi cho D số tiền 400.000 đồng trong thời gian 30 ngày, lãi suất 20% tháng, tương đương 0.67%/ngày. D chỉ chuyển cho bà C 8.600.000 đồng vào tài khoản số 16792671 mở tại Ngân hàng A (thu trước 600.000 đồng lệ phí khoản vay và 400.000 đồng tiền lãi 02 ngày đầu tiên). Bà C đã trả cho D tổng số tiền 12.000.000 đồng và tất toán khoản vay, D đã thu lợi số tiền 2.000.000 đồng và 600.000 đồng (phí) cho lần vay trên. Cùng với hình thức vay như trên, bà C tiếp tục 10 lần vay của 10.000.000 đồng với hình thức vay góp, lãi suất 20% tháng, tương đương 0.67%/ngày (do vay lần sau nên D không tính phí). Bà C đã trả đủ gốc, lãi, tất toán khoản vay, D đã thu lợi 20.000.000 đồng cho 10 khoản vay này. Số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 11 lần cho bà C vay là 20.766.667 đồng.

Ngày 26/8/2024, bà C tiếp tục vay của D 10.000.000 đồng với hình thức vay góp, lãi suất 20% tháng, tương đương 0.67%/ngày. Từ ngày 25/8/2024 đến 29/8/2024, bà C đã đóng được thêm 04 ngày số tiền 1.600.000 đồng (gồm 266.667 đồng tiền lãi và 1.333.333 đồng tiền gốc) còn nợ 8.666.667 đồng. Số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản cho vay này là 243.443 đồng.

Ngoài hình thức vay trả góp thì bà C còn vay của D theo hình thức vay đứng, cụ thể như sau: Ngày 12/6/2024, bà C vay của D 10.000.000 đồng Với hình thức vay đứng, (phí thiết lập khoản vay 500.000 đồng), đóng lãi 100.000 đồng/ngày với lãi suất 30% tháng, tương đương 1%/ngày. Từ ngày 12/6/2024 đến ngày 06/8/2024, bà C đã đóng được 77 ngày cho khoản nợ trên với tổng số tiền lãi 7.700.000 đồng, 500.000 đồng lệ phí vay và trả hết số tiền gốc

10.000.000 đồng và tất toán khoản vay. Số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với lần cho bà C vay này là 7.772.222 đồng.

Cùng với hình thức vay như trên, ngày 07/8/2024, bà C tiếp tục vay thêm 5.000.000 đồng, đóng lãi 50.000 đồng/ngày với lãi suất 30% tháng, tương đương 1%/ngày. Từ ngày 07/8/2024 đến ngày 29/8/2024, bà C đã đóng được 21 ngày cho khoản nợ trên với tổng số tiền lãi 1.050.000 đồng, còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với lần cho bà C vay này là: 991.667 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các khoản cho bà C vay là 29.774.000 đồng, bà C chưa trả cho D 13.666.667 đồng tiền gốc.

5. Ngày 23/5/2024, D cho bà Nguyễn Thị Thu T4 vay số tiền 10.000.000 đồng, với hình thức vay đứng, đóng lãi 100.000 đồng/ngày với lãi suất 30% tháng, tương đương 1%/ngày. Bà T4 đề nghị trả trước 05 ngày lãi 500.000 đồng nên D đưa tiền mặt 9.500.000 đồng cho bà T4. Từ ngày 23/5/2024 đến 29/7/2024, bà T4 đã đóng được 69 ngày cho khoản nợ trên với tổng số tiền lãi 6.900.000 đồng, còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc thì dồn tiền (nghĩa là vay dây mới). Số tiền D thu lợi bất chính từ khoản vay này là 6.516.667 đồng.

Đến ngày 29/7/2024, bà T4 vay đứng thêm 5.000.000 đồng cộng dồn tiền gốc khoản vay lần 1 thành 15.000.000 đồng, đóng lãi 150.000 đồng/ngày, với lãi suất 30% tháng, tương đương 1%/ngày. Từ ngày 30/7/2024 đến ngày 28/8/2024, bà T4 đã đóng được 30 ngày cho khoản nợ trên với tổng số tiền lãi 4.500.000 đồng, còn nợ 15.000.000 đồng tiền gốc thì ngưng không đóng nữa. Số tiền D thu lợi bất chính từ khoản vay này là 4.250.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các khoản cho bà T4 vay là 10.766.667 đồng, bà T4 chưa trả cho D 15.000.000 đồng tiền gốc.

6. Ngày 18/3/2024, D cho ông Trang Dịu M vay số tiền 3.000.000 đồng tiền mặt với hình thức vay góp, trong thời gian 24 ngày, đóng gốc và lãi 150.000 đồng/ngày, với lãi suất 25% tháng, tương đương 0.83%/ngày, tổng số tiền là 3.600.000 đồng. Ông M đóng được 15 ngày, tổng số tiền 2.250.000 đồng thì dồn tiền (có nghĩa là vay dây mới). D đã thu đủ tiền lãi 600.000 đồng và tất toán khoản vay. Số tiền thực tế D thu lợi bất chính trong lần cho vay này là 560.000 đồng.

Ngày 01/4/2024, ông M vay của D 5.000.000 đồng với hình thức vay góp trong thời gian 30 ngày, đóng gốc và lãi 200.000 đồng/ngày, lãi suất 20% tháng, tương đương 0.67%/ngày. Ông M đã trả cho D tổng số tiền 6.000.000 đồng và vay thêm 1.000.000 không tính lãi (mỗi ngày trả 40.000 đồng cho đến khi hết nợ), tổng mỗi ngày trả 240.000 đồng. Ông M đóng được 17 ngày, từ ngày 01/4/2024 đến ngày 17/4/2024, mỗi ngày 240.000 đồng, tổng số tiền 4.080.000 đồng (gồm 3.400.000 đồng tiền vay góp và 650.000 đồng trong khoản vay 1.000.000 không tính lãi) thì dồn tiền (nghĩa là vay dây mới). D đã thu đủ tiền lãi 1.000.000 đồng và tắt toán khoản vay. Số tiền thực tế D thu lợi bất chính trong lần cho vay này là 916.667 đồng.

Ngày 17/4/2024, ông M tiếp tục vay của D 5.000.000 đồng với hình thức vay góp trong thời gian 30 ngày, đóng gốc, lãi 200.000 đồng/ngày, với lãi suất 20% tháng, tương đương 0.67%/ngày, tổng cộng là 6.000.000 đồng. Ông M đóng được 14 ngày (tính từ 17/4/2024 đến 05/5/2024), mỗi ngày 200.000 đồng, tổng số tiền 2.800.000 đồng thì dồn tiền (nghĩa là vay dây mới). D đã thu đủ tiền lãi số tiền 1.000.000 đồng cho lần vay này và tắt toán khoản vay. Số tiền thực tế D thu lợi bất chính trong lần cho vay này là 916.667 đồng.

Ngày 05/5/2024, ông M vay của D 5.000.000 đồng với hình thức vay góp trong thời gian 30 ngày, đóng gốc, lãi 200.000 đồng/ngày, với lãi suất 20% tháng, tương đương 0.67%/ngày, tổng cộng là 6.000.000 đồng. Ông M đóng được 10 ngày (tính từ 05/5/2024 đến 14/5/2024), mỗi ngày 200.000 đồng, tổng số tiền 2.000.000 đồng thì dồn tiền (nghĩa là vay dây mới). D đã thu đủ tiền lãi số tiền 1.000.000 đồng cho lần vay này và tắt toán khoản vay. Số tiền thực tế D thu lợi bất chính trong lần cho vay này là 916.667 đồng

Ngày 14/5/2024, ông M vay của D 5.000.000 đồng với hình thức vay góp trong thời gian 30 ngày, đóng gốc, lãi 200.000 đồng/ngày, với lãi suất 20% tháng, tương đương 0.67%/ngày, tổng cộng là 6.000.000 đồng. Ông M đóng được 13 ngày (tính từ 14/5/2024 đến ngày 02/6/2024) mỗi ngày 200.000 đồng, tổng số tiền 2.600.000 đồng thì dồn tiền (nghĩa là vay dây mới). D đã thu đủ tiền lãi số tiền 1.000.000 đồng cho lần vay này và tắt toán khoản vay. Số tiền thực tế D thu lợi bất chính trong lần cho vay này là 916.667 đồng.

Ngày 02/6/2024, ông M vay của D 5.000.000 đồng với hình thức vay góp trong thời gian 30 ngày, đóng gốc, lãi 200.000 đồng/ngày, với lãi suất 20% tháng, tương đương 0.67%/ngày, tổng cộng là 6.000.000 đồng. Ông M đóng đủ 30 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, tổng số tiền 6.000.000 đồng. D đã thu đủ tiền

lãi số tiền 1.000.000 đồng cho lần vay này và tất toán khoản vay. Số tiền thực tế D thu lợi bất chính trong lần cho vay này là 916.667 đồng.

Ngày 14/8/2024, ông M vay của D 3.000.000 đồng với hình thức vay góp trong thời gian 30 ngày, đóng gốc, lãi 120.000 đồng/ngày, với lãi suất 20% tháng, tương đương 0.67%/ngày, tổng cộng là 3.600.000 đồng. Ông M đóng được 14 ngày (tính từ 14/8/2024 đến 28/8/2024) mỗi ngày 120.000 đồng, tổng số tiền 1.680.000 đồng (bao gồm 280.000 đồng tiền lãi và 1.400.000 đồng tiền gốc), còn nợ 1.600.000 đồng tiền gốc thì không đóng nữa. Số tiền thực tế D thu lợi bất chính trong lần cho vay này là 256.667 đồng.

Ngoài hình thức vay trả góp thì ông M còn vay của D theo hình thức vay đứng, cụ thể như sau:

Ngày 17/4/2024, ông M vay của D số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày phải đóng tiền lãi 30.000 đồng, lãi suất 30% tháng, tương đương 1%/ngày. Ông M đóng được 14 ngày từ ngày 17/4/2024 đến 05/5/2024 với tổng số tiền lãi là 420.000 đồng, còn nợ 3.000.000 đồng tiền gốc thì dồn tiền (nghĩa là vay dây mới). Số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với lần cho vay này là 396.667 đồng.

Ngày 05/5/2024, ông M vay của D số tiền 3.000.000 đồng, mỗi ngày phải đóng tiền lãi 30.000 đồng, lãi suất 30% tháng, tương đương 1%/ngày. Ông M đóng được 10 ngày từ ngày 05/5/2024 đến ngày 14/5/2024 tổng số tiền lãi là 300.000 đồng, còn nợ 3.000.000 đồng tiền gốc thì dồn tiền (nghĩa là vay dây mới). Số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với lần cho vay này là 283.333 đồng

Ngày 14/5/2024, ông M vay của D số tiền 3.000.000 đồng, mỗi ngày phải đóng tiền lãi 30.000 đồng, lãi suất 30% tháng, tương đương 1%/ngày và vay thêm 1.000.000 đồng không tính lãi. Ông M đóng được 13 ngày từ ngày 14/5/2024 đến ngày 02/6/2024 tổng số tiền lãi là 390.000 đồng, còn nợ 3.000.000 đồng tiền gốc thì dồn tiền (nghĩa là vay dây mới). Số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với lần cho vay này là 368.333 đồng.

Ngày 02/6/2024, ông M vay của D số tiền 3.000.000 đồng, mỗi ngày phải đóng tiền lãi 30.000 đồng, lãi suất 30% tháng, tương đương 1%/ngày. Ông M đóng được 49 ngày từ ngày 02/6/2024 đến ngày 21/7/2024, tổng số tiền lãi là 1.470.000 đồng, còn nợ 3.000.000 đồng tiền gốc thì dồn tiền (nghĩa là vay dây

mới). Số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với lần cho vay này là 1.388.333 đồng.

Ngày 21/7/2024, ông M vay của D số tiền 5.000.000 đồng, , mỗi ngày phải đóng tiền lãi 50.000 đồng, lãi suất 30% tháng, tương đương 1%/ngày. Ông M đóng được 36 ngày từ ngày 21/7/2024 đến ngày 28/8/2024 tổng số tiền lãi là 1.800.000 đồng, còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc thì không đóng nữa. Số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với lần cho vay này là 1.700.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các khoản cho ông M vay là 9.536.667 đồng, ông M chưa trả cho D 6.600.000 đồng tiền gốc.

7. Ngày 05/8/2024, D cho ông Cao Lê H2 vay số tiền 5.000.000 đồng tiền mặt với hình thức vay góp, trong thời gian 30 ngày, đóng gốc và lãi 200.000 đồng/ngày, lãi suất 20% tháng, tương đương 0.67%/ngày, tổng số tiền là 6.000.000 đồng. D chỉ chuyển cho ông H2 4.300.000 đồng vào tài khoản số 0766781933 của ông H2 mở tại Ngân hàng V1 (thu trước 500.000 đồng lệ phí khoản vay và 200.000 đồng tiền lãi ngày đầu tiên). Từ ngày 22/7/2024 đến 03/8/2024, ông H2 đã đóng cho D được 13 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, tổng cộng là 2.600.000 đồng thì dồn tiền (nghĩa là vay dây mới). D đã thu đủ tiền lãi 1.000.000 đồng cho lần vay này và tắt toán khoản vay. Số tiền thực tế D thu lợi bất chính trong lần cho vay này là 1.416.667 đồng. Đến 03/8/2024, ông H2 xin dồn lãi vay đáo lại 5.000.000 đồng tiền góp, D chuyển thêm cho ông H2 1.400.000 đồng. Từ 03/8/2024 đến 29/8/2024, ông H2 đóng cho D được 13 ngày, mỗi ngày 120.000 đồng, tổng cộng là 1.560.000 đồng (bao gồm 433.333 đồng tiền lãi và 1.126.667 đồng tiền gốc), còn nợ 3.873.333 đồng tiền gốc thì không đóng nữa. Số tiền thực tế thu lợi bất chính của D trong lần vay này là 397.222 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các khoản cho ông H2 vay là 1.813.889 đồng, ông H2 chưa trả cho D 3.873.333 đồng tiền gốc.

8. Khoảng đầu tháng 8/2024, D cho ông Lê Quang T5 vay 5.000.000 đồng với hình thức vay góp, trong thời gian 30 ngày, đóng gốc và lãi 200.000 đồng/ngày, lãi suất 20% tháng, tương đương 0.67%/ngày, tổng số tiền là 6.000.000 đồng. D đưa tiền mặt cho T5 và hàng ngày đến gặp T5 thu tiền, ông T5 đã trả đủ khoản vay trên và không vay gì thêm. Số tiền thu lợi bất chính D

phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền cho ông T5 vay là 916.667 đồng.

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 29/8/2024, khi D điều khiển xe mô tô biển số 66C1-695.77 chở theo Trần Chính N1 đi đến trước số C C, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Tổ công tác 363 Công an Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra, đưa về Công an phường Nguyễn Cư Trinh làm việc. Qua kiểm tra điện thoại di động của D phát hiện nội dung tin nhắn Zalo, SMS cho vay tiền, thu tiền lãi nên đã lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Đinh Thanh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án: Thu giữ của Đinh Thanh D: 01 điện thoại di động Huawei màu cam; 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số: 66C1-695.77, số khung: RLHJK0354PZ118645, số máy: JK03E7818680.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Thạch Thị N, bà Nguyễn Thị Thu T3, ông Trang Dịu M, ông Cao Lê H2, ông Lê Quang T5 không yêu cầu Đinh Thanh D phải trả lại số tiền thu lợi bất chính. Ông Đỗ Quốc V, bà Lê Thị Ngọc C, bà Nguyễn Thị Thu T4 yêu cầu Đinh Thanh D trả lại số tiền thu lợi bất chính.

Tại bản cáo trạng số 51/CT-VKS-Q1 ngày 13 tháng 02 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đinh Thanh D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Đinh Thanh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1. Bị cáo thừa nhận việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là đúng, không oan sai. Đối với khoản tiền cho ông Đỗ Quốc V vay, một thời gian sau khi bị cơ quan điều tra mời lên làm việc, ông V đã trả lại cho bị cáo toàn bộ số tiền gốc còn thiếu nên ông V không còn nợ bị cáo tiền gốc như cáo trạng nêu.

Ông Lê Quang T5 trình bày xác nhận có vay của D số tiền 5.000.000 đồng, đã trả cho D 6.000.000 đồng trong vòng 30 ngày, không còn nợ gốc và lãi, ông T5 không có ý kiến gì về dân sự, không yêu cầu bị cáo D trả lại tiền thu lợi bất chính.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đỗ Quốc V xác nhận đã trả đầy đủ tiền gốc còn nợ bị cáo D và không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Sau khi kiểm tra toàn bộ lời khai của bị cáo cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đinh Thanh D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đinh Thanh D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Huawei màu cam. Giao cho cơ quan thi hành án đăng báo trong thời hạn 01 năm để trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số: 66C1-695.77, số khung: RLHJK0354PZ118645, số máy: JK03E7818680, nếu sau thời hạn 01 năm không có ai đến nhận thì tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử: Buộc bị cáo Đinh Thanh D phải nộp lại số tiền gốc là 334.500.000 đồng tiền gốc, nộp lại các khoản tiền thu lợi bất chính để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các khoản tiền thu lợi bất chính do bị cáo đã thu vượt quá mức pháp luật cho phép, trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn nợ tiền gốc thì đề nghị nộp lại để tịch thu vào ngân sách nhà nước. Chi tiết như sau: Buộc bị cáo Đinh Thanh D phải nộp lại tổng số tiền 340.935.000 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước. Yêu cầu bà Thạch Thị N phải nộp lại số tiền 3.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu T3 phải nộp lại số tiền 17.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu T4 phải nộp lại số tiền 4.233.333 đồng, ông Cao Lê H2 phải nộp lại số tiền 2.833.333 đồng để tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước. Bị cáo Đinh Thanh D phải trả lại cho bà Lê Thị Ngọc C số tiền 13.107.332 đồng.

Bị cáo Đinh Thanh D thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo Đinh Thanh D thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình, hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Đinh Thanh D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Căn cứ trích lục khai tử số 143/2025/TLKT ngày 08 tháng 4 năm 2025 do Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh thể hiện ông Trang Dịu M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã chết vào ngày 17/12/2024.

[2.2] Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh; Công an Phường 7, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh và Công an Phường Tân hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh cung cấp lý lịch ông Trang Dịu M có cha Dư Kim Đ (đã chết), mẹ Trang Ninh T6 (đã chết), chị Dư Tú C1 (sinh năm 1965) không xác định được nơi cư trú, em Trang Dịu H3 (sinh năm 1973) không xác định được nơi cư trú.

Do đó, không có cơ sở để triệu tập được người đại diện kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trang Dịu M tham gia tố tụng.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Đinh Thanh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định: Từ khoảng đầu tháng 08/2023 đến khi bị phát hiện ngày 29/8/2024, D đã cho 08 người gồm: bà Thạch Thị N, bà Nguyễn Thị Thu T3, ông Trang Dịu M, ông Cao Lê H2, ông Lê Quang T5, ông Đỗ Quốc V, bà Lê Thị Ngọc C, bà Nguyễn Thị Thu T4 vay tiền với lãi suất từ 20% đến 30%/tháng, đã vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, thu lợi bất chính tổng số tiền 79.494.357 đồng (đã trừ đi khoản tiền lãi 20%/năm là lãi suất được pháp luật cho phép).

[4] Từ nội dung đã nhận định tại mục [1] và mục [3] có cơ sở kết tội bị cáo Đinh Thanh D đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bản Cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo Đinh Thanh D là cố ý, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, tài chính ngân hàng, kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ, xâm phạm lợi ích của công dân; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do vậy, cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Đinh Thanh D có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa án tích về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng:

+ Bị cáo đã có hành vi cho vay lãi nặng đối với 08 người, tuy nhiên số tiền thu lợi của mỗi trường hợp đều thấp hơn 30.000.000 đồng, nên không thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần.

+ Bản thân bị cáo có 01 tiền án về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo bản án số 1127/PTHS ngày 31/7/2003 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, kể từ khi được tại ngoại đến nay bị cáo đều chấp hành tốt, không vi phạm pháp luật. Bị cáo có đủ các điều kiện để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và việc áp dụng hình phạt này không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét áp

dụng cho bị cáo Đinh Thanh D hình phạt cải tạo không giam giữ với một thời hạn nhất định dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và bị khấu trừ 10% thu nhập để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự.

[9] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, cần áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự phạt bổ sung đối với bị cáo Đinh Thanh D một khoản tiền để sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ lời khai của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu thu thập được, có căn cứ xác định: Từ ngày hoạt động cho vay tháng 8/2023 đến khi bị phát hiện (ngày 29/8/2024) thì bị cáo Đinh Thanh D đã cho 08 người vay. Số tiền gốc mà bị cáo sử dụng để cho vay lãi nặng là tiền mà bị cáo dùng vào việc phạm tội, khoản tiền lãi trong mức 20%/năm mà bị cáo thu được của những người đi vay là tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 buộc bị cáo phải nộp lại để tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi trên mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo thu được của những người đi vay là tiền mà bị cáo chiếm đoạt của người đi vay trái pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay.

Đối với số tiền người đi vay còn nợ lại nợ gốc của bị cáo chưa tất toán: do đây là tiền mà bị cáo sử dụng để cho vay lãi nặng, phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Do đó, buộc người đi vay phải nộp lại số tiền này để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước sau khi khấu trừ khoản tiền lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm mà người đi vay được bị cáo trả lại.

Chi tiết các khoản tiền, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại, được nhận lại hoặc trả lại như sau:

[10.1] Bà Thạch Thị N vay của D 11 lần với tổng số tiền là 82.500.000 đồng, đã trả 79.500.000 đồng tiền gốc (còn nợ 3.500.000 đồng), 15.600.000 đồng tiền lãi gồm 1.300.000 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, 14.300.000 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm.

Bị cáo D phải nộp số tiền 79.500.000 đồng tiền gốc, 1.300.000 đồng tiền lãi để nộp vào ngân sách nhà nước và phải trả lại cho bà N số tiền thu lợi bất chính là 14.300.000 đồng. Tuy nhiên, do bà N không yêu cầu D phải trả lại số tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo D phải nộp lại toàn bộ tổng số tiền 95.100.000

đồng, bà N phải nộp lại số tiền gốc còn nợ D là 3.500.000 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[10.2] Bà Nguyễn Thị Thu T3 vay của D 03 lần với tổng số tiền là 27.000.000 đồng, đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc (còn nợ 17.000.000 đồng), 9.580.000 đồng tiền lãi gồm: 504.444 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, 9.075.556 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm.

Bị cáo D phải nộp số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc, 504.444 đồng tiền lãi để nộp vào ngân sách nhà nước và phải trả lại cho bà T3 số tiền thu lợi bất chính là 9.075.556 đồng. Tuy nhiên, do bà T3 không yêu cầu D phải trả lại số tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo D phải nộp lại toàn bộ tổng số tiền 19.580.000 đồng, bà T3 phải nộp lại số tiền gốc còn nợ D là 17.000.000 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[10.3] Ông Đỗ Quốc V vay của D 03 lần với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, đã trả 15.000.000 đồng tiền gốc, 3.566.667 đồng tiền lãi gồm: 255.756 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, 3.310.911 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm. Bị cáo D phải nộp số tiền 15.000.000 đồng tiền gốc, 255.756 đồng tiền lãi để nộp vào ngân sách nhà nước và phải trả lại cho ông V số tiền thu lợi bất chính là 3.310.911 đồng. Tuy nhiên, ông V không yêu cầu gì về dân sự, bị cáo D xác nhận sau khi vụ án bị phát giác, ông V đã trả hết nợ gốc cho bị cáo nên buộc bị cáo D phải nộp lại toàn bộ tổng số tiền 18.566.667 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[10.4] Bà Lê Thị Ngọc C vay của D 12 lần trả góp với tổng số tiền là 120.000.000 đồng, đã trả 111.333.333 đồng tiền gốc (còn nợ 8.666.667 đồng), 22.865.667 đồng tiền lãi gồm: 1.855.557 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, 600.000 đồng tiền phí cho vay, 20.410.110 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm. Bị cáo D phải nộp số tiền 111.333.333 đồng tiền gốc, 1.855.557 đồng tiền lãi để nộp vào ngân sách nhà nước và phải trả lại cho bà C số tiền thu lợi bất chính là 21.010.110 đồng. Do bà C còn nợ D số tiền 8.666.667 đồng tiền gốc nên D có trách nhiệm nộp thay số tiền này để tịch thu vào ngân sách nhà nước và D phải trả lại cho bà C phần chênh lệch là $21.010.110 \text{ đồng} - 8.666.667 \text{ đồng} = 12.343.443 \text{ đồng}$. Tổng cộng D phải nộp lại 121.855.557 đồng để tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước và phải trả lại cho bà C 12.343.443 đồng.

Hình thức vay đứng: Bà C vay của D 02 lần với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc (còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc),

9.250.000 đồng tiền lãi gồm: 500.000 đồng tiền phí cho vay, 486.111 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, 8.263.889 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm. Bị cáo D phải nộp số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc, 486.111 đồng tiền lãi để nộp vào ngân sách nhà nước và phải trả lại cho bà C số tiền thu lợi bất chính là 8.763.889 đồng. Bà C yêu cầu D trả lại số tiền thu lợi bất chính, do bà C còn nợ D số tiền 5.000.000 đồng tiền gốc nên D có trách nhiệm nộp thay số tiền này để tịch thu vào ngân sách nhà nước và D phải trả lại cho bà C phần chênh lệch là $8.763.889 \text{ đồng} - 5.000.000 \text{ đồng} = 3.763.889 \text{ đồng}$. Tổng cộng D phải nộp lại 15.486.111 đồng để tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước và phải trả lại cho bà C 3.763.889 đồng.

Như vậy đối với các khoản cho bà C vay, bị cáo D phải nộp lại tổng cộng 137.341.668 đồng để tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước và phải trả lại cho bà C số tiền 13.107.332 đồng.

[10.5] Bà Nguyễn Thị Thu T4 vay của D 02 lần vay đúng với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc (còn nợ 15.000.000 đồng), đã trả 11.400.000 đồng tiền lãi gồm: 633.333 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, 10.766.667 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm. Bị cáo D phải nộp số tiền 633.333 đồng tiền lãi để nộp vào ngân sách nhà nước và phải trả lại cho bà C số tiền thu lợi bất chính là 10.766.667 đồng. Bà T4 yêu cầu D trả lại số tiền thu lợi bất chính, do bà T4 còn nợ D số tiền 15.000.000 đồng tiền gốc, số tiền này phải truy thu để nộp vào ngân sách nhà nước. Do đó, căn trừ vào số tiền bà T4 được D trả lại nên bà T4 phải nộp lại phần còn thiếu là 4.233.333 đồng, bị cáo D phải nộp lại 10.766.667 đồng để tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

Như vậy đối với các khoản cho bà T4 vay, bị cáo D phải nộp lại tổng cộng 11.400.000 đồng, bà T4 phải nộp lại số tiền 4.233.333 đồng để tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

[10.6] Ông Trang Dịu M vay của D 07 lần trả góp với tổng số tiền là 31.000.000 đồng, đã trả 29.400.000 đồng tiền gốc (còn nợ 1.600.000 đồng), 5.930.000 đồng tiền lãi gồm: 479.998 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, 5.450.002 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm. Bị cáo D phải nộp số tiền 29.400.000 đồng tiền gốc, 479.998 đồng tiền lãi để nộp vào ngân sách nhà nước và phải trả lại cho ông M số tiền thu lợi bất chính là 5.450.002 đồng. Do ông M còn nợ D số tiền 1.600.000 đồng tiền gốc nên D có trách nhiệm nộp thay số tiền này để tịch thu vào ngân sách nhà nước và D phải trả lại cho ông M phần chênh lệch là $5.450.002 \text{ đồng} - 1.600.000 \text{ đồng} =$

3.850.002 đồng. Tổng cộng D phải nộp lại 31.000.000 đồng tiền gốc, 479.998 đồng tiền lãi để tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước và trả lại ông M 3.850.002 đồng.

Hình thức vay đứng: Ông M vay của D 05 lần với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, đã trả 10.000.000 đồng tiền gốc (còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc), 4.380.000 đồng tiền lãi gồm: 243.334 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, 4.136.666 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm. Bị cáo D phải nộp số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc, 243.334 đồng tiền lãi để nộp vào ngân sách nhà nước và phải trả lại cho ông M số tiền thu lợi bất chính là 4.136.666 đồng. Ông M còn nợ D số tiền gốc 5.000.000 đồng tiền gốc nên D có trách nhiệm nộp thay số tiền này để tịch thu vào ngân sách nhà nước và ông M còn phải nộp lại phần còn thiếu là 5.000.000 đồng - 4.136.666 đồng = 863.334 đồng. Tổng cộng D phải nộp lại 14.136.666 đồng tiền gốc, 243.334 đồng tiền lãi, ông M phải nộp lại 863.334 đồng tiền gốc còn nợ D để tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

Như vậy đối với các khoản cho ông M vay, bị cáo D phải nộp lại tổng cộng 45.136.666 đồng tiền gốc, 723.332 đồng tiền lãi để tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước và phải trả lại ông M số tiền còn chênh lệch là 3.850.002 đồng - 863.334 đồng = 2.986.668 đồng. Tuy nhiên, do ông M đã chết, không xác định được người đại diện hợp pháp hay người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng trình bày ý kiến liên quan đến khoản tiền này tại phiên tòa. Tại giai đoạn điều tra, ông M xác định không yêu cầu bị cáo D phải trả lại số tiền thu lợi bất chính nên bị cáo D phải có trách nhiệm nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính đã được hưởng. Tổng cộng bị cáo D phải nộp lại là 48.846.666 đồng.

[10.7] Ông Cao Lê H2 vay của D 02 lần, do dồn tiền vay nên tính tiền gốc là 5.000.000 đồng, đã trả 4.100.000 đồng gồm: 2.166.667 đồng tiền gốc, 119.444 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm và 1.813.889 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm. Ông H2 không yêu cầu D trả lại số tiền thu lợi bất chính nên bị cáo D phải nộp lại số tiền 4.100.000 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước, ông H2 phải nộp lại số tiền gốc 2.833.333 đồng chưa trả cho D để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[10.8] Lê Quang T5 vay của D số tiền 5.000.000 đồng, đã trả cho D 6.000.000 đồng gồm: 5.000.000 đồng tiền gốc, 83.333 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, 916.667 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm. Ông T5 không yêu cầu D trả lại số tiền thu lợi bất chính nên bị cáo D

phải nộp lại tổng số tiền 6.000.000 đồng để tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Như vậy, bị cáo Đinh Thanh D phải nộp lại tổng số tiền 340.935.000 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước

Bà Thạch Thị N phải nộp lại số tiền 3.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu T3 phải nộp lại số tiền 17.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu T4 phải nộp lại số tiền 4.233.333 đồng, ông Cao Lê H2 phải nộp lại số tiền 2.833.333 đồng để tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo Đinh Thanh D phải trả lại cho bà Lê Thị Ngọc C số tiền 13.107.332 đồng.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021:

- Đối với 01 điện thoại di động Huawei màu cam, bị cáo đã sử dụng điện thoại di động này liên lạc cho vay tiền, nhận và chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng. Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số: 66C1-695.77, số khung: RLHJK0354PZ118645, số máy: JK03E7818680. Qua xác minh xe do Lê Thị T1 đứng tên sở hữu. Bị cáo D khai mua xe trên tại cửa hàng dịch vụ cầm đồ K, địa chỉ: B, Ấp H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng chưa sang tên, có giấy đăng ký xe. Ông Nguyễn Hoàng L chủ cửa hàng dịch vụ cầm đồ Kim T7 xác nhận có nhận cầm chiếc xe của bà Lê Thị T1, sau đó bán thanh lý cho D nhưng không qua công chứng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu của chiếc xe mô tô trên nhưng chưa có ai đến liên hệ để làm việc. Do chủ sở hữu xác định đã cầm xe và không nhận lại, chủ cửa hàng cầm đồ xác nhận đã bán xe cho bị cáo D, bị cáo D sử dụng xe làm phương tiện đi lại phục vụ cho việc cho vay lãi nặng. Do đó, cần giao chiếc xe trên cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền đăng báo tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp theo quy định của pháp luật trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn trên mà không có ai đến cung cấp giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp lệ và nhận xe thì tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[12] Về án phí: bị cáo Đinh Thanh D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đinh Thanh D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đinh Thanh D cho Ủy ban nhân dân phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo Đinh Thanh D phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ 10% thu nhập để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Đinh Thanh D số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ Điều 46, Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Buộc bị cáo Đinh Thanh D phải nộp lại tổng số tiền 340.935.000 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước

Bà Thạch Thị N phải nộp lại số tiền 3.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu T3 phải nộp lại số tiền 17.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu T4 phải nộp lại số tiền 4.233.333 đồng, ông Cao Lê H2 phải nộp lại số tiền 2.833.333 đồng để tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo Đinh Thanh D phải trả lại cho bà Lê Thị Ngọc C số tiền 13.107.332 đồng.

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021:

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Huawei màu cam, số Imei 1: 866430040793384, Imei 2: 86643004798383.

- Giao cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền đăng báo tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp trong thời hạn 01 năm để trả lại; nếu hết thời hạn trên mà không có chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đến cung cấp giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quản lý hợp lệ và nhận xe thì tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số: 66C1-695.77, số khung: RLHJK0354PZ118645, số máy: JK03E7818680.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 140/LNK-ĐCSHS ngày 17/01/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Đinh Thanh D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Đinh Thanh D, ông Lê Quang T5 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Thạch Thị N, bà Nguyễn Thị Thu T3, ông Trang Dịu M, ông Cao Lê H2, ông Đỗ Quốc V, bà Lê Thị Ngọc C, bà Nguyễn Thị Thu T4 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 1, TP.HCM; (3)
- Bị cáo; (1)
- Cơ quan THA-HS có thẩm quyền; (3)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- Chi cục THADS Quận 1; (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Đường sự; (8)
- Lưu: VP, hồ sơ./. (P/27) (5)

Phan Sỹ Hùng